TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 7 - 2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn,

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Đổi,

2. Ông Lý Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thu V, sinh năm 1993. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Nhơn Hòa 2, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh D, sinh năm 1989. (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 11 tháng 3 năm 2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Đỗ Thu V trình bày: Chị và anh Nguyễn Minh Đ cưới nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 06/01/2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay. Tình nghĩa vợ chồng đã rạn nứt khó mong hàn gắn nên Chị xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống, Chị và anh Đ có một con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 06/12/2017, con hiện đang sinh sống với Chị. Khi ly hôn, Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị nêu không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị nêu không có.

Sau khi thụ lý vụ án, chị V có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng anh Đ vẫn vắng mặt, cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Đỗ Thu V khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ; anh Đ hiện có hộ khẩu thường trú tại ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Công an xã xác nhận) nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị V có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào ngày 16/01/2017 nên hôn nhân giữa Anh Chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về yêu cầu ly hôn: Trong quá trình chung sống, chị V cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay. Cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc nên Chị xin ly hôn với anh Đ. Đối với Anh Nguyễn Minh Đ, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của chị V nhưng anh Đ không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị V. Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ vẫn vắng mặt, chứng tỏ Anh không có thiện chí để hàn gắn. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung vợ chồng của Anh Chị không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh Đ là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung: Quá trình chung sống, chị V và anh Đ có con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 06/12/2017, con hiện đang sinh sống với Chị. Khi ly hôn, Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Đ cấp

dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Đối với anh Đ, dù đã được thông báo về yêu cầu của chị V đối với con chung nhưng Anh không đến Tòa án, cũng không có văn bản phản hồi ý kiến gửi Tòa án. Xét thấy, để đảm bảo sự phát triển bình thường thấy rằng cần tiếp tục giao con chung cho chị V nuôi dưỡng và buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 1.000.000 đồng, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung: Chị V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Đ không có văn bản phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Đ không có văn bản phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thu V đối với anh Nguyễn Minh Đ về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thu V được ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ.

- Về con chung: Chị V được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 06/12/2017, con hiện đang sinh sống với Chị, buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 1.000.000 đồng, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2019.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con

cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004432 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, chị V đã nộp đủ. Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng sung vào ngân sách Nhà nước.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hồng Sơn